

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 138/TTr-STNMT ngày 08 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ: Tại đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, được thăm dò nước dưới đất theo Thiết kế Giếng thăm dò nước dưới đất, công trình cấp nước sinh hoạt tại Nhà văn hóa cộng đồng xã Nam Đà và các hộ gia đình sống lân cận với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích thăm dò: Đánh giá tiềm năng nước dưới đất, đánh giá các chỉ tiêu lưu lượng, chất lượng nước nhằm cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân tại thôn Nam Tân, xã Nam Đà, huyện Krông Nô.

2. Quy mô thăm dò: 01 giếng khoan với tổng lưu lượng khai thác dự kiến là 40 m³/ngày.đêm.

3. Vị trí công trình thăm dò: Thôn Nam Tân, xã Nam Đà, huyện Krông Nô. Tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò như sau:

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108,5 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
Q1	1.382.278	433.201
Q2	1.382.278	433.701
Q3	1.381.778	433.701
Q4	1.381.778	433.201

(có sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo tại Phụ lục 1)

4. Tầng chứa nước thăm dò: Tầng chứa nước khe nứt lỗ hồng Bazan hệ tầng Túc Trung (βN_2-Q_{1tt}) ký hiệu tầng chứa nước $\beta(n-qp)$, thuộc nước không áp.

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

(có bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo tại Phụ lục 2)

6. Thời hạn của giấy phép là: 02 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Tuân thủ các nội dung theo quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò nước dưới đất; thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình thăm dò và của pháp luật về tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng sau khi hoàn thành thăm dò theo quy định.

3. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Krông Nô; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Không lợi dụng thăm dò để khai thác nước trái quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của Giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chậm nhất bốn mươi lăm ngày (45) trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Đắk Nông còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý TNN;
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- UBND huyện Krông Nô;
- TT Nước sạch và VS MT NT tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT(N).

04



Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC 2:
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THẨM DÒ
(Kèm theo Giấy phép số **23** /GP-UBND ngày **13** tháng 8 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Dạng công tác	Đơn vị	Khối lượng
I	Phần khoan		
1	Khoan lấy mẫu Φ 132 mm	m	80
2	Khoan doa mở rộng Φ 152 mm	m	55
3	Khoan doa mở rộng Φ 219 mm	m	15
II	Phần ống chống, ống lọc		
1	Chống ống Φ 140 mm	m	30
2	Ống lọc Φ 140 mm	m	40
II	Bơm thí nghiệm và bơm rửa	Ca máy	06
1	Bơm thổi rửa (01 giếng khoan)	Ca máy	03
2	Bơm thí nghiệm (01 giếng khoan)	Ca máy	03
III	Lấy mẫu và phân tích	Mẫu	01
1	Theo các chỉ tiêu cơ bản của nước dưới đất		01

